

KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C NĂM 2011

CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số 01/5/TTr-TCCB4 ngày 08/8/2011)

TT	Họ tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
I	Cụm thi 01 - Hà Nội												
1	CN Hà Nội												
1	Bùi Thị Thu	Nga	27/9/1988	032	Hà Nội	KTĐN	80.0	72	90	84		152.0	x
2	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	23/11/1987	084	Hà Nội	TCNH	67.0	61	80	92	20	148.0	x
3	Trần Thị	Huyền	26/4/1985	028	Hà Nội	KTĐN	83.0	62	93	92		145.0	x
4	Trịnh Thị	Hạnh	10/11/1987	009	Hà Nội	KTKT	62.3	59	75.5	84	20	141.3	x
5	Chu Thị	Hoàng	08/4/1988	051	Hà Nội	TCNH	52.3	69	90.5	96	20	141.3	x
6	Trần Công	Diễn	21/01/1987	003	Hà Nội	KTKT	61.3	58	84	84	20	139.3	x
7	Phạm Thị	Hồng	04/8/1988	010	Hà Nội	KTKT	70.0	67	95.5	80		137.0	x
8	Phùng Thị Mai	Ly	17/4/1988	030	Hà Nội	KTĐN	78.0	55	73	88		133.0	x
9	Lê Thị Ngọc	Tâm	9/19/1989	035	Hà Nội	KTĐN	67.7	64	85	80		131.7	x
10	Hoàng Phương	Mai	11/11/1988	093	Hà Nội	TCNH	69.7	62	74	84		131.7	x
11	Nguyễn Thị	Thành	17/02/1984	107	Hà Nội	TCNH	69.7	62	70	80		131.7	x
12	Trương Thị Thùy	Trang	23/9/1986	119	Hà Nội	TCNH	70.0	61	83	84		131.0	
13	Đặng Thị	Thảo	07/01/1986	108	Hà Nội	TCNH	72.3	58	80	64		130.3	
14	Ngô Trung	Hưng	12/02/1987	055	Hà Nội	TCNH	68.0	60	56.5	88		128.0	
15	Lương Hồng	Hạnh	23/4/1985	043	Hà Nội	TCNH	62.3	65	86.5	92		127.3	
16	Lương Khánh	Linh	01/5/1988	013	Hà Nội	KTKT	56.3	67	69	72		123.3	
17	Nguyễn Bích	Hiền	20/10/1988	045	Hà Nội	TCNH	53.0	70	95.5	56		123.0	
18	Phạm Thị	Thành	04/12/1986	018	Hà Nội	KTKT	70.0	51	72.5	84		121.0	
19	Đàm Thị	Loan	24/6/1986	014	Hà Nội	KTKT	68.7	52	87	92		120.7	
20	Trần Thị Thanh	Huyền	23/9/1988	082	Hà Nội	TCNH	64.7	53	87	72		117.7	
21	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	20/12/1988	004	Hà Nội	KTKT	71.0	44	79	80		115.0	

TT	Họ tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
22	Hoàng Hải	Hà	12/9/1989	040	Hà Nội	TCNH	54.3	59	80	96		113.3	
23	Lê Thị Thanh	Phương	01/02/1985	101	Hà Nội	TCNH	57.3	51	77	76		108.3	
24	Trần Quang	Huy	22/02/1986	057	Hà Nội	TCNH	53.7	54	74	92		107.7	
25	Nguyễn Thị Tân	Bình	15/3/1984	070	Hà Nội	TCNH	52.3	54	94	88		106.3	
26	Nguyễn Thị Tú	Anh	22/7/1984	061	Hà Nội	TCNH	65.7	40	76.5	80		105.7	
27	Nguyễn Thị Vân	Anh	17/8/1983	001	Hà Nội	KTKT	52.7	52	71.5	64		104.7	
28	Tôn Thị	Thom	20/6/1986	109	Hà Nội	TCNH	65.0	39	69	60		104.0	
29	Tăng Thị Quỳnh	Ngọc	02/02/1983	015	Hà Nội	KTKT	41.0	61	61	72		102.0	
30	Vũ Thanh	Minh	03/4/1985	096	Hà Nội	TCNH	40.0	60	73	68		100.0	
31	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	10/10/1988	092	Hà Nội	TCNH	53.7	43	80	80		96.7	
32	Đỗ Thanh	Bình	23/1/1987	071	Hà Nội	TCNH	44.3	51	54	72		95.3	
33	Đinh Thị Quỳnh	Mai	29/6/1988	094	Hà Nội	TCNH	52.3	43	66	88		95.3	
34	Trần Thị Lê	An	26/3/1987	058	Hà Nội	TCNH	56.3	38	71	92		94.3	
35	Nguyễn Thị Hải	Yến	14/4/1988	024	Hà Nội	KTKT	55.3	38	78	64		93.3	
36	Lương Bá	Hiền	28/11/1988	046	Hà Nội	TCNH	34.0	59	85.5	60		93.0	
37	Nguyễn Mạnh	Trường	10/10/1985	120	Hà Nội	TCNH	50.7	40	82	100		90.7	
38	Hoàng Minh	Phương	21/9/1988	102	Hà Nội	TCNH	44.0	46	92	72		90.0	
39	Trần Hồng	Khanh	29/5/1988	086	Hà Nội	TCNH	31.7	37	71	88	20	88.7	
40	Nguyễn Hương	Giang	13/7/1988	026	Hà Nội	KTĐN	30.7	55	81	92		85.7	
41	Vũ Thị	Hạnh	17/01/1986	044	Hà Nội	TCNH	28.7	57	51.5	96		85.7	
42	Bạch Ngọc	Đức	09/12/1988	075	Hà Nội	TCNH	52.0	33	65	92		85.0	
43	Lê Thị	Phương	18/9/1987	103	Hà Nội	TCNH	48.3	36	43.5	64		84.3	
44	Giang Thị Hà	Anh	28/12/1987	062	Hà Nội	TCNH	54.0	30	78	80		84.0	
45	Chu Thanh	Hoa	27/10/1988	049	Hà Nội	TCNH	37.0	40	83	96		77.0	
46	Trần Thị Phương	Thảo	23/8/1984	020	Hà Nội	KTKT	41.7	32	79	72		73.7	
47	Trần Thị Khánh	Vân	04/9/1988	123	Hà Nội	TCNH	26.3	37	63	80		63.3	
48	Vũ Thị Mai	Giang	15/7/1987	006	Hà Nội	KTKT	37.0	0	0	0		37.0	
49	Nguyễn Thái	Hà	23/7/1987	038	Hà Nội	TCNH	0.0	0		0	20	20.0	

TT	Họ tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
50	Bùi Thị Thanh	Hòa	14/01/1985	050	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0	20	20.0	
51	Trần Thị	Lan	25/5/1986	087	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0	20	20.0	
52	Bùi Bích	Nga	19/11/1988	097	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0	20	20.0	
53	Đặng Thị	Trang	06/11/1988	118	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0	20	20.0	
54	Nguyễn Thu	Hà	20/10/1988	008	Hà Nội	KTKT	0.0	0	0	0		0.0	
55	Trần Thị Tuyết	Nhung	02/02/1988	016	Hà Nội	KTKT	0.0	0	0	0		0.0	
56	Vũ Thị	Du	02/02/1985	025	Hà Nội	KTĐN	0.0	0	0	0		0.0	
57	Nguyễn Hoàng	Lan	02/01/1988	029	Hà Nội	KTĐN	0.0	0	0	0		0.0	
58	Mai Thanh	Nghị	25/5/1986	033	Hà Nội	KTĐN	0.0	0	0	0		0.0	
59	Trần Hoài	Thu	15/6/1986	036	Hà Nội	KTĐN	0.0	0	0	0		0.0	
60	Nguyễn Thu	Hà	21/01/1988	039	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
61	Nguyễn Xuân Tổ	Anh	02/6/1985	059	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
62	Phạm Vân	Anh	10/11/1988	060	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
63	Trần Thị	Ánh	08/12/1988	068	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
64	Ngô Thị Mỹ	Chi	05/10/1988	072	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
65	Nguyễn Thị Thùy	Dung	14/10/1987	076	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
66	Nguyễn Thị Thùy	Dung	18/12/1987	077	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
67	Nguyễn Thị Hương	Giang	27/12/1985	080	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
68	Trần Thanh	Huyền	16/6/1986	083	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
69	Nguyễn Văn	Huynh	20/5/1985	085	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
70	Đinh Thụy Cẩm	Lê	06/12/1986	088	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
71	Đỗ Thị	Ngọc	08/12/1985	098	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
72	Vũ Kim	Thư	15/11/1988	111	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
73	Vũ Thị	Thúy	15/10/1987	113	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
74	Phạm Thị Thanh	Thùy	16/10/1987	116	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
75	Bùi Thị Hải	Vân	04/11/1987	122	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
76	Khổng Vũ	Vinh	18/12/1984	125	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
77	Nguyễn Văn	Vinh	24/3/1987	126	Hà Nội	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	

TT	Họ tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
2	CN Hải Dương												
78	Phạm Thị Thanh	Hương	22/7/1988	027	Hải Dương	KTĐN	78.7	52	72	84		130.7	x
79	Phạm Thị Thu	Hường	7/2/1989	056	Hải Dương	TCNH	72.0	56	82.5	88		128.0	x
80	Trần Hoàng Mai	Ly	13/02/1988	031	Hải Dương	KTĐN	72.0	51	79	92		123.0	x
81	Trần Thị	Anh	28/7/1988	064	Hải Dương	TCNH	55.0	51	66	68		106.0	x
82	Nguyễn Phương Hồng	Anh	20/9/1988	002	Hải Dương	KTKT	58.3	41	80	80		99.3	
83	Cao Thị	Thúy	09/9/1987	114	Hải Dương	TCNH	45.3	54	78	84		99.3	
84	Trần Thị Kim	Dung	30/11/1988	005	Hải Dương	KTKT	73.7	25	84	72		98.7	
85	Phạm Ngọc	Suyền	23/9/1986	106	Hải Dương	TCNH	51.0	43	80	92		94.0	
86	Trần Thị Thái	Hà	6/10/1988	041	Hải Dương	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
87	Nguyễn Hoàng	Anh	10/12/1983	063	Hải Dương	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
88	Hà Thị	Xen	28/9/1986	127	Hải Dương	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
3	CN Hải Phòng												
89	Hà Thu	Hiền	29/12/1988	047	Hải Phòng	TCNH	62.0	69	74.5	88		131.0	x
90	Đỗ Thị Hồng	Anh	01/10/1988	065	Hải Phòng	TCNH	60.0	56	82	84		116.0	x
91	Bùi Thị Hương	Thu	02/11/1987	110	Hải Phòng	TCNH	36.7	38	89.5	80	20	94.7	
92	Đặng Thị Bích	Liên	19/5/1987	090	Hải Phòng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
93	Chu Thị Bích	Ngọc	02/9/1988	099	Hải Phòng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
4	CN Bắc Giang												
94	Mai Thị Thu	Hà	18/11/1986	007	Bắc Giang	KTKT	69.7	51	82.5	80		120.7	x
95	Nguyễn Văn	Lân	10/4/1988	011	Bắc Giang	KTKT	0.0	0	0	0		0.0	
5	CN Bắc Ninh												
96	Nguyễn Thị	Hạnh	15/8/1985	037	Bắc Ninh	Luật KT	67.0	74	82	88		141.0	x
97	Nguyễn Thị Diệu	Bình	19/5/1988	069	Bắc Ninh	TCNH	58.3	51	97	76		109.3	x
98	Nguyễn Thị	Ý	17/5/1987	023	Bắc Ninh	KTKT	50.7	44	50	52		94.7	
99	Trần Thị	Phượng	11/1/1988	017	Bắc Ninh	KTKT	57.7	35	54.5	52		92.7	
100	Lê Thị Thuý	Hà	17/7/1985	081	Bắc Ninh	TCNH	0.0	0	0	0	20	20.0	
101	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/7/1986	019	Bắc Ninh	KTKT	0.0	0	0	0		0.0	

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
6	CN Hưng Yên											
102	Nguyễn Thị Thu	Thủy	19/12/1988	112	Hưng Yên	TCNH	46.3	51	76		97.3	
103	Phạm Thị	Mai	5/11/1987	095	Hưng Yên	TCNH	42.3	53	68	80	95.3	
104	Bùi Thị Hồng	Hải	28/9/1988	042	Hưng Yên	TCNH	0.0	0	0	0	0.0	
105	Vũ Quỳnh	Anh	21/8/1988	066	Hưng Yên	TCNH	0.0	0	0	0	0.0	
7	CN Lạng Sơn											
106	Lương Thị	Oanh	6/5/1987	100	Lạng Sơn	TCNH	53.3	58	82	72	111.3	x
107	Nguyễn Việt	Hùng	6/2/1988	052	Lạng Sơn	TCNH	46.7	29	55.5	76	75.7	
108	Nông Thị Thùy	Dương	5/4/1986	079	Lạng Sơn	TCNH	31.0	38	63	88	69.0	
109	Hứa Văn	Đạm	20/8/1987	074	Lạng Sơn	TCNH	0.0	0	0	0	0.0	
110	Lương Văn	Tọa	16/5/1987	117	Lạng Sơn	TCNH	0.0	0	0	0	0.0	
8	CN Quảng Ninh											
111	Phạm Hải	Phong	7/10/1988	034	QuảngNinh	KTĐN	71.0	68	81	96	139.0	x
112	Nông Tiến	Dũng	15/7/1983	078	QuảngNinh	TCNH	61.0	54	85	84	20 135.0	x
113	Nguyễn Thị Phương	Thào	25/01/1987	021	QuảngNinh	KTKT	71.0	61	58	84	132.0	x
114	Đỗ Thị	Liên	10/9/1984	012	QuảngNinh	KTKT	66.0	62	37.5	76	128.0	
115	Vũ Thùy	Liêm	20/6/1987	089	QuảngNinh	TCNH	64.7	58	79	72	122.7	x
116	Ngô Thị Thanh	Thương	13/3/1986	022	QuảngNinh	KTKT	50.7	56	68	84	106.7	
9	CN Sơn La											
117	Trần Văn	Quỳnh	30/9/1986	105	Sơn La	TCNH	60.7	57	84	88	117.7	x
118	Nguyễn Phương	Linh	27/10/1987	091	Sơn La	TCNH	45.7	41	64	84	86.7	
119	Hà Đình	Việt	11/9/1988	124	Sơn La	TCNH	41.3	40	70.5	88	81.3	
120	Vũ Trung	Hiếu	21/10/1986	048	Sơn La	TCNH	35.0	38	61	76	73.0	
10	CN Thái Nguyên											
121	Bùi Anh	Tuấn	12/12/1986	121	T.Nguyên	TCNH	40.7	40	52	84	20 100.7	
11	CN Vĩnh Phúc											
122	Trần Minh	Chi	10/12/1989	073	Vĩnh Phúc	TCNH	67.7	51	83	84	118.7	x
123	Trần Minh	Thùy	28/3/1982	115	Vĩnh Phúc	TCNH	47.7	42	74	76	20 109.7	

TT	Họ tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
124	Trần Mạnh	Hùng	1/6/1984	054	Vĩnh Phúc	TCNH	42.3	33	56	88	20	95.3	
125	Nguyễn Đức	Hùng	16/11/1988	053	Vĩnh Phúc	TCNH	44.7	24	51	76		68.7	
126	Đàm Thị Phương	Anh	6/12/1988	067	Vĩnh Phúc	TCNH	27.3	17	75	76		44.3	
12	CN Yên Bái												
127	Nguyễn Tiến	Quyền	16/01/1988	104	Yên Bái	TCNH	38.7	29	86	72		67.7	
II	Cụm thi 02 - Nam Định												
1	CN Nam Định												
1	Vũ Thị Kim	Dung	3/6/1986	172	Nam Định	KTĐT	69.0	74	83	96		143.0	x
2	Ngô Thanh	Hải	15/10/1988	139	Nam Định	TCNH	65.7	77	68	84		142.7	x
3	Đỗ Công	Vương	10/3/1987	170	Nam Định	TCNH	53.7	43	72	88		96.7	
4	Nguyễn Văn	Huỳnh	20/5/1985	149	Nam Định	TCNH	49.0	44	70	92		93.0	
2	CN Hà Tĩnh												
5	Bùi Thị Kiều	Oanh	2/12/1985	156	Hà Tĩnh	TCNH	66.7	60	74	88	20	146.7	x
6	Lê Thị Kim	Tiến	29/2/1988	183	Hà Tĩnh	KTKT	61.7	60	76	88	20	141.7	x
7	Phan Lê	Mai	17/5/1988	152	Hà Tĩnh	TCNH	72.0	62	77	88		134.0	x
8	Phan Thị Bảo	Ngọc	28/12/1988	177	Hà Tĩnh	KTKT	62.7	68	67	92		130.7	x
9	Bùi Hồng Thuý	Linh	23/5/1987	150	Hà Tĩnh	TCNH	69.0	60	81	92		129.0	x
10	Nguyễn Thị	Thanh	1/1/1988	160	Hà Tĩnh	TCNH	64.0	64	79	88		128.0	
11	Đặng Cẩm	Hương	2/4/1988	175	Hà Tĩnh	KTKT	70.3	54	67	92		124.3	
12	Đoàn Thị Huyền	Trang	12/7/1987	184	Hà Tĩnh	KTKT	61.3	37	67	84	20	118.3	
13	Thái Huy	Thành	12/12/1988	180	Hà Tĩnh	KTKT	61.0	55	74	80		116.0	
14	Trần Diệu	Linh	4/6/1988	151	Hà Tĩnh	TCNH	48.3	61	78	92		109.3	
15	Hoàng Thị Lam	Bình	24/4/1986	173	Hà Tĩnh	KTKT	56.7	52	68	88		108.7	
16	Lê Thị	Hà	2/1/1987	174	Hà Tĩnh	KTKT	47.7	51	62	92		98.7	
17	Nguyễn Thị Lệ	Thuý	9/3/1987	181	Hà Tĩnh	KTKT	0.0	0	0	0	20	20.0	
18	Bùi Thị	Lý	21/5/1985	176	Hà Tĩnh	KTKT	0.0	0		0		0.0	
19	Trần Thị	Nghĩa	2/1/1988	154	Hà Tĩnh	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
20	Nguyễn Thị Minh Sâm	21/01/1986	179	Hà Tĩnh	KTKT	0.0	0	0	0		0.0	
21	Trần Thị Thuý	25/8/1988	163	Hà Tĩnh	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
22	Lê Thị Thuý	10/8/1988	164	Hà Tĩnh	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
23	Trần Anh Tiệp	20/12/1988	166	Hà Tĩnh	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
3	CN Nghệ An											
24	Lương Ngọc Thành	1987	159	Nghệ An	TCNH	61.7	74	66	88		135.7	x
25	Nguyễn Thị Thu Hằng	1984	140	Nghệ An	TCNH	51.0	60	61.5	92	20	131.0	x
26	Bùi Thị Thu Hà	1989	137	Nghệ An	TCNH	68.7	59	76	72		127.7	x
27	Nguyễn Thị Nhàn	1988	155	Nghệ An	TCNH	48.3	62	75.5	84		110.3	
28	Lê Đình Tú	1988	167	Nghệ An	TCNH	47.7	39	83	96		86.7	
29	Mai Thị Thương Huyền	1988	146	Nghệ An	TCNH	62.3	21	87	84		83.3	
30	Tăng Thị Hòa	1988	144	Nghệ An	TCNH	48.0	21	54	64		69.0	
31	Lê Thị Ngọc Anh	1984	129	Nghệ An	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
32	Lang Thị Hoài	1985	145	Nghệ An	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
33	Trần Thị Hoa Huyền	1987	147	Nghệ An	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
34	Lê Thị Thơ	1988	161	Nghệ An	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
35	Phan Thị Thương	1985	162	Nghệ An	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
36	Hồ Thị Thủy	1988	165	Nghệ An	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
4	CN Ninh Bình											
37	Ngô Duy Vũ	25/8/1988	185	Ninh Bình	KTKT	78.0	51	78	96		129.0	x
38	Phạm Thị Thuý	29/11/1987	182	Ninh Bình	KTKT	56.0	34	76	76	20	110.0	
39	Nguyễn Thị Thu Hiền	26/02/1988	141	Ninh Bình	TCNH	51.3	51	88	88		102.3	x
40	Nguyễn Thị Hoa	02/12/1988	142	Ninh Bình	TCNH	45.3	55	73	96		100.3	
41	Nguyễn Thị Nhung	05/12/1984	178	Ninh Bình	KTKT	53.3	44	57	92		97.3	
42	Đặng Thị Hiền Tâm	17/5/1988	158	Ninh Bình	TCNH	51.7	45	80	52		96.7	
43	Nguyễn Thị Cúc	09/7/1982	130	Ninh Bình	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	

T	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
5	CN Thái Bình											
14	Đầu Vũ Dương	16/9/1988	135	Thái Bình	TCNH	60.0	67	64	80		127.0	x
15	Đỗ Thị Dung	15/01/1987	132	Thái Bình	TCNH	57.3	58	56	88		115.3	x
46	Bùi Thị Hải Yến	13/9/1988	171	Thái Bình	TCNH	50.7	63	86	76		113.7	x
47	Bùi Thị Thùy Dung	27/8/1987	133	Thái Bình	TCNH	48.7	52	64.5	84		100.7	
48	Nguyễn Thị Thu Hà	25/12/1988	138	Thái Bình	TCNH	41.3	56	63.5	80		97.3	
49	Trần Thị Dịu	13/6/1987	131	Thái Bình	TCNH	50.0	33	68	84		83.0	
50	Lê Thị Hồng Duyên	28/10/1988	136	Thái Bình	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
51	Vũ Hoàn Mai	15/8/1988	153	Thái Bình	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
52	Hoàng Ngọc Tuấn	10/9/1986	168	Thái Bình	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
6	CN Thanh Hoá											
53	Lê Thị Quế	1/3/1985	157	Thanh Hoá	TCNH	67.3	63	75	88	20	150.3	x
54	Bùi Thị Dung	20/10/1988	134	Thanh Hoá	TCNH	61.7	70	53	64		131.7	x
55	Lê Thị Hồng Vân	30/9/1985	169	Thanh Hoá	TCNH	55.3	65	58	84		120.3	x
56	Lê Đình An	20/12/1987	128	Thanh Hoá	TCNH	52.7	51	37	88		103.7	x
57	Nguyễn Xuân Hoà	20/11/1988	143	Thanh Hoá	TCNH	46.7	55	69	80		101.7	
58	Mai Thị Huyền	1/1/1988	148	Thanh Hoá	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
III	Cụm thi 03- TT. Huế											
1	CN Thừa Thiên Huế											
1	Lê Thủy Phượng	8/8/1987	216	TT - Huế	TCNH	73.7	67	60	84		140.7	x
2	Nguyễn Thị Mão	2/10/1987	210	TT - Huế	TCNH	60.3	71	63	84		131.3	x
3	Phùng Lê Thị Huệ	30/8/1987	203	TT - Huế	TCNH	66.0	62	64	96		128.0	
4	Nguyễn Thị Bích Trâm	21/4/1988	223	TT - Huế	TCNH	60.7	65	66	76		125.7	
5	Ngô Thị Nhật Linh	15/10/1988	208	TT - Huế	TCNH	49.7	72	88	92		121.7	
6	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	19/11/1988	217	TT - Huế	TCNH	62.7	57	57	88		119.7	
7	Lê Văn Dinh	2/9/1988	188	TT - Huế	TCNH	56.3	42	50	76		98.3	

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
8	Hồ Thị Cẩm Tú	30/10/1988	226	TT - Huế	TCNH	50.0	42	76	72		92.0	
9	Cao Thị Minh Duyên	13/10/1986	191	TT - Huế	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
2	CN Đà Nẵng											
10	Nguyễn Thị Việt Hà	1986	195	Đà Nẵng	TCNH	62.7	60	57	80	20	142.7	x
11	Trịnh Minh Nhật Vũ	1986	230	Đà Nẵng	TCNH	63.0	59	70	76		122.0	x
12	Đoàn Thị Phụng	1985	215	Đà Nẵng	TCNH	54.7	66	55	72		120.7	x
13	Lê Mạnh Bảo	1988	187	Đà Nẵng	TCNH	58.3	57	76	88		115.3	x
14	Phạm Thị Phương Dung	1987	189	Đà Nẵng	TCNH	52.3	59	80	76		111.3	
15	Ngô Huy Bảo	1988	186	Đà Nẵng	TCNH	59.3	43	79	92		102.3	
16	Phan Hoàng Mai	1988	209	Đà Nẵng	TCNH	49.3	53	85	88		102.3	
17	Phạm Thị Hồng Oanh	1985	213	Đà Nẵng	TCNH	51.3	51	90	84		102.3	
18	Võ Thị Linh	1986	207	Đà Nẵng	TCNH	39.7	41	75	96	20	100.7	
19	Ông Hồng Giang	1986	192	Đà Nẵng	TCNH	37.7	58	69	80		95.7	
20	Nguyễn Lê Minh Thảo	1989	220	Đà Nẵng	TCNH	30.7	56	59	92		86.7	
21	Hoàng Thị Thái Hằng	1987	198	Đà Nẵng	TCNH	48.7	32	65	88		80.7	
22	Nguyễn Thị Thu Hà	1985	194	Đà Nẵng	TCNH	38.3	42	41	92		80.3	
23	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1988	197	Đà Nẵng	TCNH	29.3	51	50	76		80.3	
24	Chế Thị Tuyết	1984	228	Đà Nẵng	TCNH	45.3	19	0	0		64.3	
25	Nguyễn Hải Giang	1986	193	Đà Nẵng	TCNH	34.3	24	52	88		58.3	
26	Nguyễn Thị Kim Thúy	1988	221	Đà Nẵng	TCNH	0.0	0	0	0	20	20.0	
27	Nguyễn Thu Hà	1988	196	Đà Nẵng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
28	Võ Thị Thu Hiền	1986	201	Đà Nẵng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
29	Trần Thị Như Hoa	1986	202	Đà Nẵng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
30	Nguyễn Hữu Huy	1985	206	Đà Nẵng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
31	Trần Thị Thanh Nhân	1987	211	Đà Nẵng	TCNH	0.00	0	0	0		0.00	
32	Đặng Thị Thu Sang	1987	218	Đà Nẵng	TCNH	0.00	0	0	0		0.00	
33	Nguyễn Thị Bích Trâm	1988	222	Đà Nẵng	TCNH	0.00	0	0	0		0.00	
34	Nguyễn Thị Phương Trúc	1986	225	Đà Nẵng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
35	Nguyễn Anh Tuấn	1987	227	Đà Nẵng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
36	Đặng Thị Thanh Vân	1988	229	Đà Nẵng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
37	Nguyễn Huỳnh Ngọc	1982	231	Đà Nẵng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
3	CN Quảng Bình											
38	Hoàng Đình Hùng	4/4/1989	204	Q.Bình	TCNH	46.0	25	58.5	88		71.0	
4	CN Quảng Nam											
39	Lưu Văn Thạch	28/8/1988	219	Q. Nam	TCNH	48.3	58	76	68		106.3	
40	Trần Thị Hồng Hạnh	28/02/1985	200	Q. Nam	TCNH	18.0	51	71	88		69.0	
41	Lê Thị Thúy Hằng	08/3/1987	199	Q. Nam	TCNH	41.3	10	43	84		51.3	
42	Nguyễn Thị Thùy Dung	4/12/1985	190	Q. Nam	TCNH	0.0	0	0	0	20	20.0	
43	Hoàng Thị Nhơn	05/6/1984	212	Q. Nam	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
5	CN Quảng Trị											
44	Hoàng Công Phù	28/7/1986	214	Quảng Trị	TCNH	57.0	56	72	80		113.0	x
45	Hồ Thị Huyền Trang	21/9/1988	224	Quảng Trị	TCNH	68.0	25	87	84		93.0	
46	Lê Mạnh Hùng	10/8/1989	205	Quảng Trị	TCNH	41.3	26				67.3	
IV	Cụm thi 04 - Bình Định											
1	CN Bình Định											
1	Nguyễn Thị Việt Anh	1988	232	Bình Định	TCNH	60.0	79	82.5	40		139.0	
2	Lê Thị Hoàng Sương	1987	243	Bình Định	TCNH	44.7	51	74	80		95.7	
3	Huỳnh Tấn Nhật	1988	240	Bình Định	TCNH	52.0	36	69	84		88.0	
2	CN Đắk Lắk											
4	Nguyễn Thị Thu Hường	20/9/1987	237	Đắk Lắk	TCNH	55.0	74	58	72		129.0	x
5	Lê Thị Thúy	23/02/1987	244	Đắk Lắk	TCNH	55.0	64	51	64		119.0	
6	Nguyễn Thị Hoa	19/02/1989	235	Đắk Lắk	TCNH	57.0	51	50	80		108.0	
7	Lê Thị Thanh Bình	12/12/1988	233	Đắk Lắk	TCNH	44.3	51	80	64		95.3	
8	Trần Thị Thanh Thùy	28/9/1983	245	Đắk Lắk	TCNH	39.7	35	50.5	80	20	94.7	
9	Hoàng Thị Thùy Linh	22/5/1985	239	Đắk Lắk	TCNH	36.7	39	51.5	56		75.7	

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
10	Phan Mạnh Hùng	9/3/1988	236	Đăk Lăk	TCNH	28.0	33	66	64		61.0	
11	Huỳnh Minh Hiền	8/7/1985	234	Đăk Lăk	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
12	Lê Thị Ngọc Sương	10/12/1988	247	Đăk Lăk	KTKT	0.0	0	0	0		0.0	
13	Nguyễn Thị Thục Trinh	19/10/1987	246	Đăk Lăk	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
3 CN Phú Yên												
14	Nguyễn Thị Huỳnh Lê	7/7/1987	238	Phú Yên	TCNH	51.7	55	63	80	20	126.7	x
15	Lê Thị Minh Phương	2/9/1985	242	Phú Yên	TCNH	36.0	51	50	64		87.0	
16	Huỳnh Tiến Phát	24/4/1983	241	Phú Yên	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
V Cụm thi 05 - Bình Thuận												
1 CN Bình Thuận												
1	Nguyễn Thị Kim Lâm	2/4/1988	258	Bình Thuận	TCNH	51.3	65	79	88		116.3	x
2	Đặng Thị Ngọc Hiền	25/10/1988	255	Bình Thuận	TCNH	46.0	62	89	92		108.0	
3	Nguyễn Thị Thanh Liên	5/1/1985	259	Bình Thuận	TCNH	38.0	52	65	100		90.0	
4	Nguyễn Thị Thu Dung	5/5/1988	250	Bình Thuận	TCNH	36.3	51	71	68		87.3	
5	Phạm Nhu Chát	2/2/1987	249	Bình Thuận	TCNH	40.3	42	61	80		82.3	
6	Võ Thị Hải	9/12/1987	252	Bình Thuận	TCNH	36.0	45	73	84		81.0	
7	Phạm Thị Huyền Trang	14/10/1988	271	Bình Thuận	TCNH	48.0	31	83	72		79.0	
8	Từ Sỹ Xinh	30/11/1983	282	Bình Thuận	CNTT	13.3	26	69			39.3	
2 CN Bà Rịa - Vũng Tàu												
9	Nguyễn Thị Nhân	13/10/1985	264	BR - VT	TCNH	44.3	40	72	72	20	104.3	
10	Đỗ Thị Hà Trang	10/11/1988	270	BR - VT	TCNH	42.0	51	80	84		93.0	
11	Trần Thị Thu Trang	18/10/1988	269	BR - VT	TCNH	48.0	41	73	84		89.0	
12	Chung Thị Hải	5/9/1983	251	BR - VT	TCNH	34.0	52	63	96		86.0	
13	Lê Thị Tố Huyền	10/12/1986	257	BR - VT	TCNH	45.3	27	79	96		72.3	
14	Lê Thị Hà	2/10/1985	272	BR - VT	TCNH	38.7	19	63	84		57.7	
15	Trần Thu Hiền	7/1/1986	254	BR - VT	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
16	Nguyễn Thành Luân	21/12/1984	262	BR - VT	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Đơn vị dự thi	Dự thi chuyên ngành	Điểm chuyên ngành	Điểm Kiến thức chung	Điểm Tiếng Anh	Điểm Tin học VP	Ưu tiên	Điểm tổng	Dự kiến trúng tuyển (X)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=7+8+11	13
3	CN Đồng Nai											
17	Nguyễn Thị Hạ Lan	15/4/1988	283	Đồng Nai	KTDN	73.0	62	79	84		135.0	x
18	Nguyễn Thị Hương	23/12/1989	256	Đồng Nai	TCNH	62.7	67	77	92		129.7	x
19	Hoàng Thị Thùy Liên	4/11/1988	260	Đồng Nai	TCNH	59.7	60	76	88		119.7	x
20	Phạm Thị Nguyên Thảo	20/8/1989	278	Đồng Nai	KTKT	65.7	53	75	76		118.7	x
21	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	23/9/1985	248	Đồng Nai	TCNH	52.3	58	71	92		110.3	x
22	Nguyễn Thị Hà Phương	13/8/1989	267	Đồng Nai	TCNH	56.3	53	76	100		109.3	x
23	Nguyễn Tú Quỳnh Như	26/4/1984	266	Đồng Nai	TCNH	53.3	54	72	80		107.3	x
24	Trần Thanh Tuấn	12/8/1986	280	Đồng Nai	KTKT	58.0	43	66	72		101.0	
25	Thái Thuận Hải	6/1/1987	253	Đồng Nai	TCNH	29.7	51	77	88		80.7	
26	Phạm Anh Diễm	19/4/1986	284	Đồng Nai	TCNH	45.0	30	59.5	72		75.0	
27	Lương Thanh Hương	1/9/1986	274	Đồng Nai	KTKT	0.0	0	0	0		0.0	
4	CN Lâm Đồng											
28	Nguyễn Thị Minh Nhật	06/05/1987	265	Lâm Đồng	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
29	Nguyễn Thị Bích Phương	23/12/1987	276	Lâm Đồng	KTKT	0.0	0	0	0		0.0	
5	CN Ninh Thuận											
30	Vũ Thị Sen	23/8/1988	277	Ninh Thuận	KTKT	61.7	46	78	92		107.7	
31	Lương Thị Quỳnh Nga	16/4/1985	263	Ninh Thuận	TCNH	51.7	53	Miễn	88		104.7	x
32	Phùng Thị Ái Hằng	22/3/1987	273	Ninh Thuận	KTKT	62.0	41	71	76		103.0	
33	Trần Phan Bảo Uyên	6/9/1986	281	Ninh Thuận	KTKT	39.0	58	53	96		97.0	
34	Trần Tiến Thúc	2/4/1988	275	Ninh Thuận	KTKT	32.0	21	56	84		53.0	
35	Phạm Thị Mỹ Linh	10/11/1986	261	Ninh Thuận	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
36	Nguyễn Thị Bích Trâm	21/4/1988	268	Ninh Thuận	TCNH	0.0	0	0	0		0.0	
37	Tổng Thị Thùy Trân	1/10/1985	279	Ninh Thuận	KTKT	0.0	0	0	0		0.0	

TM.HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



LÊ MINH HÙNG

ĐẠI DIỆN
BAN GIÁM SÁT



NGÔ BÁ LẠI

PHÊ DUYỆT CỦA
THỐNG ĐỐC NHNN



NGUYỄN VĂN BÌNH¹²